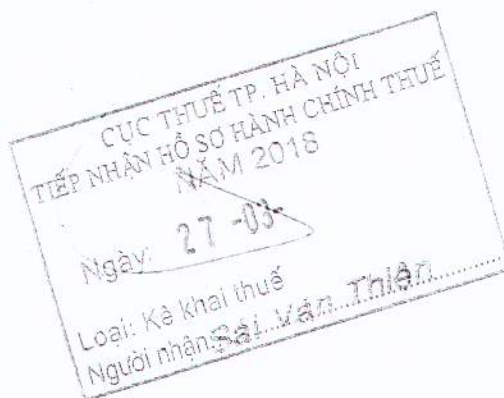


CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÁC
TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM 2017



Hà Nội, tháng 03 năm 2018

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÁC
TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM 2017**

Hà Nội, tháng 03 năm 2018

M.S.D.N

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
PHỤ LỤC 01 BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NSNN	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24

Mẫu số B02/VAMC

(Ban hành theo Thông tư số 42/2014/TT-NHNN
Ngày 19/12/2014 của Thống đốc NHNN)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số tại 31/12/2017	Số tại 31/12/2016
1	2	3	4	5
A	Tài sản			
I	Tiền mặt, tiền gửi các TCTD	V 1+2	17.990.389.635.810	14.159.956.347.466
II	Cung cấp tài chính		0	0
1	Cung cấp tài chính		0	0
2	Dự phòng rủi ro (*)		0	0
III	Đầu tư tài chính		0	0
1	Mua trái phiếu doanh nghiệp		0	0
2	Đầu tư tài chính khác		0	0
3	Dự phòng rủi ro đầu tư tài chính (*)		0	0
IV	Nợ mua		183.207.638.479.283	194.715.891.534.046
1	Nợ mua bằng TPĐB	V 3	182.684.203.417.335	194.715.891.534.046
2	Nợ mua bằng nguồn vốn không phải TPĐB		532.140.211.948	0
2	Dự phòng rủi ro đối với khoản nợ mua (*)		-8.705.150.000	0
V	Góp vốn, đầu tư dài hạn		0	0
1	Đầu tư vào công ty con		0	0
2	Vốn góp liên doanh		0	0
3	Đầu tư vào công ty liên kết		0	0
4	Đầu tư dài hạn khác		0	0
5	Dự phòng giảm giá đầu tư		0	0
VI	Tài sản cố định	V 5	2.234.757.758	3.163.182.569
1	Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)		2.234.757.758	3.163.182.569
	- Nguyên giá 1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)		5.687.409.732	5.687.409.732
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-3.452.651.974	-2.524.227.163
2	Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)		0	0
	- Nguyên giá		0	0
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		0	0
3	Tài sản cố định vô hình (227 = 228 +		0	0

	229)			
	- Nguyên giá		0	0
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		0	0
VI	Đầu tư nâng cấp tài sản bảo đảm của khoản nợ mua		0	0
	1. Đầu tư nâng cấp tài sản bảo đảm của khoản nợ mua bằng TPĐB		0	0
	2. Đầu tư nâng cấp tài sản bảo đảm cho khoản nợ mua bằng nguồn vốn không phải TPĐB		0	0
VII	Tài sản có khác	V 4	2.787.867.045.115	102.641.339.567
1	Các khoản phải thu từ hoạt động mua bán nợ		2.778.696.036.433	90.703.941.379
2	Các khoản lãi phải thu		449.166.667	152.800.000
3	Tài sản có khác		8.721.842.015	11.784.598.188
4	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác (*)		0	0
	Tổng cộng tài sản		203.988.129.917.966	208.981.652.403.648
B	Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu			
I	Nợ ngắn hạn		0	0
II	Nợ dài hạn		0	0
III	Phải trả từ hoạt động mua bán nợ	V 6	17.262.167.470.597	13.706.701.886.881
IV	Lãi phải trả		0	0
V	Trái phiếu đặt biệt phát hành	V 7	182.684.203.417.335	194.715.891.534.046
1	Mệnh giá TPĐB phát hành		199.047.402.692.482	207.684.904.388.778
2	Nợ mua bằng TPĐB đã thu hồi được (*)		-16.363.199.275.147	-12.969.012.854.732
VI	Trái phiếu phát hành		0	0
VII	Các khoản phải trả và công nợ khác		1.982.977.453.338	20.272.788.417
1	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (nếu có)		480.007.813	328.971.139
2	Phải trả người lao động	V 6	9.916.818.623	13.749.466.978
3	Các khoản công nợ khác	V 6	1.972.580.626.902	6.194.350.300
VIII	Dự phòng phải trả		0	0
	Tổng nợ phải trả		201.929.348.341.270	208.442.866.209.344
IX	Vốn và các quỹ	V 8	2.058.781.576.696	538.786.194.304
1	Vốn của VAMC		2.000.000.000.000	500.000.000.000
a	Vốn điều lệ		2.000.000.000.000	500.000.000.000
b	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản		0	0
c	Vốn khác		0	0
2	Quỹ của VAMC		2.942.136.573	2.942.136.573
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		0	0

4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		0	0
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/Lũy kế		55.839.440.123	35.844.057.731
	Tổng cộng nguồn vốn		203.988.129.917.966	208.981.652.403.648

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số tại 31/12/2017	Số tại 31/12/2016
005	Nợ mua bằng TPĐB		393.449.322.499.109	399.094.192.932.657
0051	Nợ gốc		217.394.830.998.475	234.001.285.956.975
0052	Nợ lãi		176.054.491.500.634	165.092.906.975.682
006	Nợ mua bằng nguồn vốn không phải TPĐB		3.515.594.426.432	0
0061	Nợ gốc		2.938.066.458.945	0
0062	Nợ lãi		577.527.967.487	0
008	Tài sản đảm bảo của các khoản nợ mua		402.071.639.406.401	412.172.304.250.879
0081	Tài sản thế chấp, cầm cố VAMC đang quản lý		2.914.333.000.000	0
0082	Tài sản thế chấp cầm cố VAMC đã ủy quyền cho TCTD		399.157.306.406.401	412.172.304.250.879
	Tổng cộng:		799.036.556.331.942	811.266.497.183.536

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trần Ngọc Thạch

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Văn Hùng

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Quang Châu

Mẫu số B03/VAMC
(Ban hành theo Thông tư số 42/2014/TT-NHNN
Ngày 19/12/2014 của Thống đốc NHNN)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
(1)	(2)		
Doanh thu từ hoạt động mua nợ bằng TPĐB		57.791.681.327	45.269.000.000
Chi phí hoạt động mua nợ bằng TPĐB		-	-
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động mua nợ bằng TPĐB		57.791.681.327	45.269.000.000
Doanh thu từ hoạt động mua nợ theo giá thị trường		2.618.380.000.000	-
Giá vốn của khoản nợ đã được thu hồi		2.608.380.000.000	-
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động mua nợ theo giá thị trường		10.000.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính	VI 1	21.271.116.840	25.474.408.794
Chi phí tài chính		-	-
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động tài chính		21.271.116.840	25.474.408.794
Thu nhập khác	VI 1	61.500.000	-
Chi phí khác		243.485.000	-
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác		(181.985.000)	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI 2	68.402.337.389	56.048.174.676
Lợi nhuận/lỗ		20.478.475.778	14.695.234.118

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU



Trần Ngọc Thạch

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Văn Hùng

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Quang Châu

Mẫu số B04/VAMC

(Ban hành theo Thông tư số 42/2014/TT-NHNN
Ngày 19/12/2014 của Thống đốc NHNN)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu (1)	Thuyết minh (2)	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Kỳ này (3)	Kỳ trước (4)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế		20.478.475.778	14.695.234.118
Điều chỉnh cho các khoản			
2. Khấu hao TSCĐ		928.424.811	943.914.496
3. Các khoản dự phòng rủi ro trong kỳ tăng/(hoàn nhập) trong năm		8.705.150.000	-
4. Lãi và phí phải thu trong kỳ thực tế chưa thu (*)		(449.166.667)	(152.800.000)
5. Lãi và phí phải trả trong kỳ (thực tế chưa trả)		-	-
6. Lãi (lỗ) do thanh lý tài sản cố định			
7. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
8. (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư góp vốn dài hạn vào đơn vị khác, cổ tức nhận được, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư góp vốn dài hạn			
9. Các điều chỉnh khác		(330.293.386)	3.311.941.927
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động			
10. Tăng giảm các khoản cung cấp tài chính, bảo lãnh, cho thuê tài sản đảm bảo		-	-
11. Tăng, giảm các khoản mua trái phiếu doanh nghiệp và đầu tư tài chính khác		-	-
12. Tăng, giảm các khoản nợ mua không bao gồm nợ mua bằng TPDB		(532.140.211.948)	-
13. Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.684.929.338.881)	(32.185.583.756)
14. (Giảm) Tăng nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		-	-
15. (Tăng) giảm khác về tài sản		-	146.676.178
16. Tăng, (giảm) các khoản phải trả bao gồm cả phát hành trái phiếu không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp, TPDB phát hành		(9.028.618.853)	(2.898.202.235)

17. Tăng, (giảm) công nợ và các khoản phải trả khác		5.527.198.867.490	4.326.307.967.696
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.330.433.288.344	4.310.169.148.424
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		-	(1.040.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
3. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ			
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm chi đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh kiên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác (*)		-	-
5. Tiền thu đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm thu bán, thanh lý vòng ty con, góp vốn liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác		-	-
6. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ khoản đầu tư góp vốn dài hạn			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		-	(1.040.000.000)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn ngân sách		1.500.000.000.000	-
2. Tăng giảm các khoản cho vay, cung cấp tài chính, mua các công cụ nợ (*)			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.500.000.000.000	-
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		3.830.433.288.344	4.309.129.148.424
V. Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại các TCTD, tiền đang chuyển đầu kỳ		14.159.956.347.466	9.850.827.199.042
VI. Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
VII. Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại các TCTD, tiền đang chuyển cuối kỳ		17.990.389.635.810	14.159.956.347.466

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC





Trần Ngọc Thạch

Lê Văn Hùng

Lê Quang Châu

PHỤ LỤC 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính)

Mẫu số 02B-DN

Đơn vị chủ sở hữu: Ngân Hàng Nhà nước Việt Nam

Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH

NĂM 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp tại 01/01/2017	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển qua 01/01/2018
A	B	C	1	2	3	4=(1+2-3)
I	Thuế	10	328.971.139	2.486.579.068	2.335.542.394	480.007.813
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	11			-	-
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12		-	-	-
3	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	13		-	-	-
4	Thuế Xuất, nhập khẩu	14		-	-	-
5	Thuế Thu nhập doanh nghiệp (***)	15				-
6	Thuế Tài nguyên	16		-	-	-
7	Thuế Nhà đất	17		-	-	-
8	Tiền thuê đất	18		-	-	-
9	Các khoản thuế khác	19	328.971.139	2.486.579.068	2.335.542.394	480.007.813
	Thuế môn bài			3.000.000	3.000.000	-
	Thuế thu nhập cá nhân		328.971.139	2.483.579.068	2.332.542.394	480.007.813
	Các loại thuế khác			-	-	-
II	Các khoản phải nộp khác	30				-
1	Các khoản phụ thu	31				-
2	Các khoản phí, lệ phí	32				-
3	Các khoản khác	33				-

4	Thu điều tiết					
5	Các khoản nộp phạt					
6	Nộp khác					
	TỔNG CỘNG (40=10+30)	40	328.971.139	2.486.579.068	2.335.542.394	480.007.813

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trần Ngọc Thạch

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Văn Hùng

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Quang Châu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

Mẫu số B05/VAMC

(Ban hành theo Thông tư số 42/2014/TT-NHNN
Ngày 19/12/2014 của Thống đốc NHNN)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Khái quát chung

Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tín dụng Việt Nam (VAMC) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ được thành lập theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam và Quyết định thành lập số 1459/QĐ-NHNN ngày 27/6/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc thành lập Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tín dụng Việt Nam. Mã số doanh nghiệp: 0106238852 do sở Kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND (*Năm trăm tỷ đồng*).

Ngày 31/3/2015 Chính phủ ban hành Nghị định số 34/2015/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam. Vốn điều lệ của VAMC là 2.000.000.000.000 VND (*Hai ngàn tỷ đồng*), có hiệu lực từ ngày 05/4/2015.

Công ty có trụ sở chính tại: Số 22 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Mua nợ xấu của các tổ chức tín dụng.
- Thu hồi nợ, đòi nợ và xử lý, bán nợ, tài sản đảm bảo.
- Cơ cấu lại khoản nợ, điều chỉnh điều kiện trả nợ, chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần của khách hàng vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

- Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp, khai thác, sử dụng, cho thuê tài sản bảo đảm đã được Công ty quản lý tài sản thu nợ.
- Quản lý khoản nợ xấu đã mua và kiểm tra, giám sát tài sản đảm bảo có liên quan đến khoản nợ xấu, bao gồm cả tài liệu, hồ sơ liên quan đến khoản nợ xấu và bảo đảm tiền vay.
- Tư vấn, môi giới mua, bán nợ và tài sản.
- Đầu tư tài chính, góp vốn, mua cổ phần.
- Tổ chức bán đấu giá tài sản.
- Bảo lãnh cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân vay vốn của tổ chức tín dụng.
- Hoạt động khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của công ty, sau khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

3. Hội đồng thành viên

- Ông Nguyễn Tiến Đông – Chủ tịch HĐQT;
- Ông Đoàn Văn Thắng – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm từ 01/3/2017);
- Ông Nguyễn Hùng Tiến – Thành viên HĐQT (Chuyển công tác sang cơ quan khác từ 31/12/2017).

4. Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Trưởng Ban kiểm soát.

5. Ban Điều hành

- Ông Đoàn Văn Thắng – Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm từ 01/3/2017);
- Ông Lê Quang Châu – Phó Tổng giám đốc.

6. Tổng số cán bộ, công nhân viên

Tính đến ngày 31/12/2017 tổng số cán bộ, công nhân viên của VAMC là 151 người. *kk*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty từ 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ và hình thức kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính Năm 2017 từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty được lập theo Thông tư số 42/2014/TT-NHNN ngày 19/12/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam liên quan.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được phản ánh trong báo cáo tài chính của Công ty theo giá gốc.

3. Kế toán mua, bán nợ xấu và phát hành trái phiếu đặc biệt

Các khoản nợ xấu VAMC mua bằng trái phiếu đặc biệt theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD; Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/9/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam và các Thông tư sửa đổi, bổ sung.

Cuối mỗi quý, VAMC và TCTD bán nợ phải thực hiện đối chiếu nợ mua bằng trái phiếu đặc biệt và đảm bảo khớp đúng số liệu, bao gồm các chỉ tiêu chủ yếu sau: Số tiền thu hồi nợ mua; số nợ vay đã chuyển thành vốn góp, vốn cổ phần của khách hàng vay là doanh nghiệp, số dư nợ gốc, nợ lãi còn phải thu hồi; tài sản bảo đảm; số nợ thu hồi đã trả nợ vay tái cấp vốn của TCTD bán nợ, phí VAMC được hưởng, phải thu, phải trả giữa VAMC và TCTD bán nợ (nếu có).

Khi thanh toán trái phiếu đặc biệt, VAMC và TCTD bán nợ phải thực hiện đối chiếu, xác nhận toàn bộ số liệu công nợ có liên quan đến khoản nợ xấu đã mua, bán (bao gồm cả phí VAMC được hưởng) đảm bảo chính xác, khớp đúng và quyết toán các khoản phải thu, phải trả giữa VAMC và TCTD bán nợ.

VAMC mở tài khoản chi tiết thuộc tài khoản:

Tài khoản 1321- Nợ mua bằng trái phiếu đặc biệt theo từng TCTD;

Tài khoản 343- Trái phiếu đặc biệt phát hành theo từng TCTD.

4. Kế toán mua, bán nợ xấu bằng nguồn vốn không phải trái phiếu đặc biệt (mua nợ xấu theo giá trị thị trường)

Các khoản nợ xấu VAMC mua không bằng trái phiếu đặc biệt theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD; Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/9/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam và các Thông tư sửa đổi, bổ sung.

VAMC mở tài khoản chi tiết thuộc tài khoản: Tài khoản 1322-Nợ mua bằng nguồn vốn không phải trái phiếu đặc biệt theo từng TCTD.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

- Phải trả các Tổ chức tín dụng về số tiền thu hồi nợ: Căn cứ vào số tiền các TCTD thu hồi nợ gốc, nợ lãi của khách hàng và chuyển vào Tài khoản phong toả của VAMC mở tại các TCTD và số phụ các TCTD chuyển cho VAMC.
- Phải trả người bán: Dựa trên hàng hoá và dịch vụ mà VAMC mua đã nhận nhưng chưa thanh toán.

6. Nguyên tắc cơ cấu lại nợ

Nguyên tắc cơ cấu lại nợ: Dựa trên quy định tại Thông tư số 19/2013/TT-NHNN và các Thông tư sửa đổi bổ sung.

7. Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Quyết định số 45/2013/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Máy móc, thiết bị	1,5 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1,5 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Tài sản cố định khác	03-05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

8. Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Quyết định số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy vi tính	03-05
Tài sản cố định vô hình khác	03-05

9. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau: (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán; (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hoạt động mua bán nợ bằng TPĐB được ghi nhận theo quy định tại Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31/3/2015 của Chính phủ và tỷ lệ % VAMC được hưởng theo văn bản phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính. Năm 2017 thực hiện theo số 4842/NHNN-TCKT ngày 20/6/2017 của Ngân hàng Nhà nước về giao tỷ lệ khoản thu năm 2017 cho VAMC. Trong đó: Tỷ lệ khoản thu trên số dư nợ gốc cuối kỳ của các khoản nợ xấu mua bằng trái phiếu đặc biệt *hal*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

đang hạch toán nội bảng là 0,0122%; Tỷ lệ khoản thu trên số tiền thu hồi khoản nợ xấu mua bằng trái phiếu đặc biệt là 0,1151%.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng và lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn (đầu tư tài chính ngắn hạn), được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tiết kiệm và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của ngân hàng.

Chi phí

Chi phí của công ty hầu hết là chi phí quản lý doanh nghiệp, chủ yếu là chi cho nhân viên (các khoản chi về tiền lương, tiền công, bảo hiểm,...) và chi phí về tài sản. Các khoản chi nhỏ còn lại là chi phí đồ dùng văn phòng, văn phòng phẩm và chi khác.

10. Thuế và các khoản thanh toán ngân sách

Thuế Giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng (GTGT) Công ty thực hiện theo Luật thuế Giá trị gia tăng và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Công ty thực hiện theo Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương (Cục thuế Thành phố Hà Nội) theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

11. Bên liên quan

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết và quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

Theo đó các bên liên quan của Công ty bao gồm: Là nhà quản lý (các cơ quan quản lý Nhà nước) các tổ chức tín dụng có ảnh hưởng đáng kể đến các chính sách tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thành viên HĐQT và Ban điều hành của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 31/12/2016 VND
Tiền mặt	69.202.507	56.301.735
Tiền gửi ngân hàng	17.990.320.433.303	14.159.900.045.731
Các khoản tương đương tiền		
Cộng	17.990.389.635.810	14.159.956.347.466

1.1 Chi tiết tiền gửi ngân hàng

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền gửi không kỳ hạn	49.103.462.706	3.198.158.850
Tiền gửi có kỳ hạn (Chi tiết tại ghi chú số 2)	679.000.000.000	450.000.000.000
Tiền gửi tại TK phong tỏa của các TCTD (Số tiền thu hồi, xử lý các khoản nợ mua bằng TPĐB)	17.262.216.970.597	13.706.701.886.881
Cộng	17.990.320.433.303	14.159.900.045.731

2. TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN TẠI CÁC TCTD

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 31/12/2016 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN	85.000.000.000	90.000.000.000
Ngân hàng NN&PTNT VN	160.000.000.000	110.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	134.000.000.000	250.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	100.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	200.000.000.000	
Cộng	679.000.000.000	450.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

3. NỢ MUA BẰNG TRÁI PHIẾU ĐẶC BIỆT

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 31/12/2016 VND
Nợ mua bằng TPĐB	199.047.402.692.482	207.684.904.388.778
Nợ mua bằng TPĐB đã thu hồi	16.363.199.275.147	12.969.012.854.732
Nợ mua bằng TPĐB chưa thu hồi	182.684.203.417.335	194.715.891.534.046

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 31/12/2016 VND
Phải thu về hoạt động mua bán nợ	2.778.696.036.433	90.703.941.379
Tạm ứng	8.071.032.924	9.326.564.624
Phải thu nội bộ	-	1.807.224.473
Phải thu khác	640.809.091	650.809.091
Lãi phải thu từ hoạt động tài chính	449.166.667	152.800.000
Cầm cổ ký quỹ, ký cược	10.000.000	
Tài sản khác	10.000.000	
Cộng	<u>2.787.867.045.115</u>	<u>102.641.339.567</u>

4.1 Chi tiết các phải thu về hoạt động mua bán nợ

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu về mua bán nợ bằng nguồn vốn TPĐB	137.396.036.433	90.703.941.379
Phải thu về mua bán nợ bằng nguồn vốn không phải TPĐB	2.641.300.000.000	-
	<u>2.778.696.036.433</u>	<u>90.703.941.379</u>

Ghi chú: Khoản phải thu về mua bán nợ bằng nguồn vốn TPĐDB là số tiền VAMC được hưởng năm 2015, 2016: số tiền 90.703.941.379 đ (Đây là số tạm thời do chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chính thức tỷ lệ VAMC được hưởng) và số năm 2017 còn phải thu của các TCTD là 46.692.095.054 đ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

5. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc	Phương tiện vận tải	Thiết bị	TSCĐ	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
	vật kiến trúc	thiết bị		quản lý	khác	
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2017		2.008.584.278	3.678.825.454	-	-	5.687.409.732
Mua trong kỳ	-			-	-	-
Tăng do phân loại lại						
Giảm do phân loại lại						
Giảm khác (*)	-					-
Tại ngày 31/12/2017	-	2.008.584.278	3.678.825.454	-	-	5.687.409.732
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2017		697.642.846	1.826.584.318			2.524.227.164
Khấu hao trong kỳ		315.164.608	613.260.203			928.424.811
Giảm do phân loại lại						-
Giảm khác						-
Tại ngày 31/12/2017	-	1.012.807.454	2.439.844.521	-	-	3.452.651.974
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2017	-	1.310.941.432	1.852.241.137	-	-	3.163.182.569
Tại ngày 31/12/2017	-	995.776.824	1.238.980.933	-	-	2.234.757.758

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

6. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải trả về mua bán nợ mua bằng nguồn vốn TPĐB	17.262.167.470.597	13.706.701.886.881
Phải trả về mua bán nợ bằng nguồn vốn không phải TPĐB	1.806.800.000.000	
Phải trả người lao động	9.916.818.623	13.749.466.978
Các khoản phải trả khác	24.641.157.075	6.194.350.300
Nhận ký quỹ, ký cược	140.000.000.000	
Dự phòng rủi ro	8.705.150.000	
Cộng	19.252.230.596.295	13.726.645.704.159

7. TPĐB PHÁT HÀNH

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 31/12/2016 VND
Loại thời hạn 5 năm	158.489.579.325.010	173.041.797.323.037
Loại thời hạn 6 năm	-	528.712.474.509
Loại thời hạn 10 năm	24.194.624.092.325	21.145.381.736.500
Cộng	182.684.203.417.335	194.715.891.534.046

8. NỢ MUA BẰNG NGUỒN VỐN KHÔNG PHẢI TPĐB

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
NHTMCP Sài Gòn Thương tín	-	
NHTMCP Phát triển TPHCM	47.830.985.000	-
NHTMCP Bản Việt	9.309.226.948	-
NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN	299.000.000.000	
NH TMCP Công thương	176.000.000.000	
	532.140.211.948	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

9. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn Điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Chênh lệch thu - chi	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	500.000.000.000	2.942.136.573		35.844.057.731	538.786.194.304
Tăng trong kỳ	1.500.000.000.000	-	-	19.995.382.392	1.519.995.382.392
Tăng vốn trong kỳ	1.500.000.000.000				1.500.000.000.000
Lợi nhuận tăng/giảm trong kỳ				20.478.475.778	20.478.475.778
Trích bổ sung các quỹ cho kỳ trước					
Tạm trích lập các quỹ dự trữ cho kỳ					
Các khoản tăng/giảm khác				(483.093.386)	(483.093.386)
Giảm trong kỳ				-	-
Sử dụng trong kỳ					
Các khoản giảm khác					-
Số dư cuối kỳ	2.000.000.000.000	2.942.136.573	-	55.839.440.123	2.058.781.576.696

Ghi chú:

Tăng/giảm khác: Do điều chỉnh quỹ tiền lương còn lại được quyết toán năm 2016 theo TTr số 364/TTr-HCNS và NQ số 107/NQ-HĐTV ngày 25/08/2017 (Chênh lệch số được quyết toán tại TTr 364 với số dư trên 334 đến 24/08/2017: Tăng 647.733.390 đ; giảm 164.640.004).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. DOANH THU

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	67.791.681.327	45.269.000.000
Doanh thu tài chính (đầu tư TC ngắn hạn)	21.271.116.840	25.474.408.794
Thu nhập khác	61.500.000	
	<u>89.124.298.167</u>	<u>70.743.408.794</u>

Trong đó doanh thu từ cung cấp dịch vụ năm 2017, bao gồm:

Doanh thu từ số dư nợ cuối kỳ TPĐB là 22.280.472.011 đ; Doanh thu từ thu hồi nợ xấu: 35.511.209.316 đ; Doanh thu từ hoạt động mua bán nợ bằng nguồn vốn không phải TPĐB (bán nợ, bán tài sản bảo đảm): 10.000.000.000đ.

2. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
1. Chi nộp thuế	3.000.000	3.000.000
2. Chi phí cho nhân viên	42.451.678.026	41.105.692.743
Trong đó:		
Chi lương và phụ cấp lương	42.451.678.026	36.580.320.000
Các khoản chi đóng góp theo lương	3.160.382.724	3.069.969.804
Chi trợ cấp		
Chi công tác xã hội	215.775.900	334.037.469
3. Chi về tài sản	3.554.290.992	2.666.801.377
Trong đó khấu hao tài sản cố định	928.424.811	943.914.496
4. Chi phí hoạt động khác	22.393.368.371	12.272.680.556
	<u>68.402.337.389</u>	<u>56.048.174.676</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC


1. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

(Đơn vị: VND)

Chỉ tiêu	Quý IV/2017	Quý III/2017
I. Tổng số CBCNV (Người)	151	151
1. Viên chức quản lý	6	6
2. Người lao động	145	145
II. Thu nhập của CBCNV		
1. Tổng quỹ lương	12.913.889.000	13.479.919.692
1.1 VCQL	690.000.000	1.593.360.000
1.2 Người lao động	12.223.889.000	11.886.559.692
2. Tiền thưởng (Quỹ KT, PL)	151.000.000	742.500.000
2.1 VCQL	6.000.000	30.000.000
2.2 Người lao động	145.000.000	712.500.000
3. Thu nhập khác		
3.1 VCQL		
3.2 Người lao động		
4. Tổng thu nhập (1+2+3)	13.064.889.000	14.222.419.692
4.1 VCQL	696.000.000	1.623.360.000
4.2 Người lao động	12.368.889.000	12.599.059.692
5. Tiền lương bình quân		
5.1 VCQL	38.333.333	88.520.000
5.2 Người lao động	28.493.914	28.963.356

2. THÔNG TIN KHÁC

Từ khi thành lập và đi vào hoạt động đến nay, hàng năm VAMC đều được Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán.

Do chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính) tỷ lệ % VAMC được thu năm 2015, năm 2016 theo quy định tại Nghị định số 53/2013/NĐ-CP; Nghị định số 34/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 209/2013/TT-BTC, Thông tư số 171/2015/TT-BTC ngày 09/11/2015 sửa đổi một số điều của Thông tư số 209/2013/TT-BTC của 

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

Bộ Tài chính (Nay là Thông tư số 01/2017/TT-BTC ngày 05/01/2017 của Bộ Tài chính, hướng dẫn chế độ tài chính đối với Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam) nên có sự ảnh hưởng đến số liệu trình bày trên báo cáo tài chính của công ty.

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2018

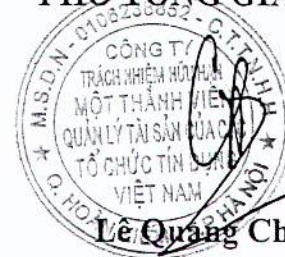
NGƯỜI LẬP BIỂU

Trần Ngọc Thạch

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Văn Hùng

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Quang Châu